

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 31/8/2017

V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tạ Khắc Nghĩa.
2. Ông Nguyễn Văn Phiếu.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Mùi - Kiểm sát viên.

Ngày 31/8/2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 65/2017/TLST-HNGĐ ngày 23/3/2017 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/7/2017 và quyết định hoãn phiên tòa số 08/2017/QĐHPT- ST ngày 10/8/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Xuân T, sinh năm 1958.

Tên gọi khác: Không.

Địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

(Ông T có mặt tại phiên tòa).

2. Bị đơn: Bà Vũ Thị D, sinh năm 1965.

Tên gọi khác: Không.

Nơi đăng ký hộ khẩu: Thôn C, xã Đ, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Địa chỉ thường trú: Thôn V, xã V, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

(Bà D vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 04/3/2017 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện N nguyên đơn ông Trần Xuân T trình bày:

1. Về hôn nhân: Ngày 15/5/2013 ông có Đăng ký kết hôn với bà Vũ Thị D tại Ủy ban nhân dân xã Đ. Sau khi kết hôn bà D về sinh sống với ông tại nhà của ông ở thôn C, xã Đ, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Từ khi kết hôn cuộc sống của vợ chồng ông hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn dẫn tới vợ chồng thường xuyên đánh chửi lẫn nhau. Nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn vợ chồng ông là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong việc làm ăn kinh tế. Mặt khác, vợ chồng không có sự tin tưởng nhau về mặt tình cảm. Đến đầu năm 2015 do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, vợ chồng tiếp tục cãi chửi đánh nhau nên bà D đã bỏ về nhà mình ở thôn V, xã V, huyện N, tỉnh Ninh Bình sinh sống. Từ đó, ông bà chính thức sống ly thân không ai quan tâm tới ai nữa. Nay ông T nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự sâu sắc, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Vũ Thị D.

2. Về con chung: Ông T xác định ông và bà D không có con chung nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, công nợ chung, quyền sử dụng đất canh tác chung: Ông T xác định không có nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 23/3/2017, Tòa án nhân dân huyện N đã thụ lý vụ án về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Đơn khởi kiện của ông Trần Xuân T. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện N đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng thủ tục pháp luật quy định nhưng bà Vũ Thị D chỉ có mặt 01 lần theo giấy triệu tập Tòa án đã tiến hành lấy lời khai vào ngày 07/4/2017 và không tiến hành hòa giải được. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 07/4/2017 bà D thừa nhận thời điểm đăng ký kết hôn cũng như quá trình vợ

chồng chung sống và nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng, con chung, tài sản chung, công nợ chung, quyền sử dụng đất canh tác chung đúng như ông T đã trình bày. Bà D cũng xác định không còn tình cảm với ông D nhưng bà không nhất trí ly hôn vì bà cho rằng ông T có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác nên bà không muốn ông T ly hôn một cách dễ dàng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm.

Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên:

* Về thủ tục tố tụng:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện và chấp hành quyền và nghĩa vụ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn bà Vũ Thị D không chấp hành các quy định của pháp luật không đến tham gia phiên tòa mặc dù đã được triệu tập hợp lệ.

* Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 5; Điều 147; Điều 266; Điều 271; Điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 BLTTDS; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử, xử lý hôn giữa ông Trần Xuân T và bà Vũ Thị D.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Ông T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Ông T đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N nay chuyển sang án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Theo xác định của Ủy ban nhân dân xã V thì thời điểm ông Trần Xuân T xin ly hôn với bà Vũ Thị D, bà D hiện đang sinh sống tại nhà của bà D ở thôn V, xã V, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Các văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân huyện N, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho bà D nhưng bà D không có mặt theo Giấy triệu tập của Tòa án. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện N căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự vẫn thụ lý vụ án và tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung mà pháp luật đã quy định.

2. Về hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa ông Trần Xuân T và bà Vũ Thị D là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn bà D về sinh sống với ông T tại nhà của ông T ở thôn C, xã Đ, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Quá trình chung sống cuộc sống của vợ chồng ông T, bà D sống hòa thuận được hơn 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn dẫn tới vợ chồng thường xuyên cãi chửi lẫn nhau. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong việc làm ăn kinh tế không còn tin tưởng nhau về mặt tình cảm, bà D cho rằng ông T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác xong bà không có chứng cứ. Đến đầu năm 2015 do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, vợ chồng cãi chửi đánh nhau nên bà D đã bỏ về nhà mình ở thôn V, xã V, huyện N, tỉnh Ninh Bình sinh sống. Từ đó, vợ chồng ông T, bà D chính thức sống ly thân không ai quan tâm tới ai nữa. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa ông T, bà D đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

3. Về con chung, tài sản chung, công nợ chung, quyền sử dụng đất canh tác chung: Ông T, bà D đều xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Ông T phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điều 5; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng: - Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử lý hôn giữa ông Trần Xuân T và bà Vũ Thị D.

2. Về án phí ly hôn sơ thẩm:

Ông T phải nộp tiền tạm ứng án ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Ông T đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/0000337 ngày 17/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N nay chuyển sang án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, ông T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà D được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh NB;
- VKSND huyện N;
- THADS huyện N;
- UBND xã Đ;
- Dương sự;
- Lưu./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

ĐÀO THỊ HUỆ